

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh
và thị trường chứng khoán phái sinh**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2020/NĐ-CP):

a) Hoạt động giao dịch, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, bao gồm: Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán, hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

b) Hoạt động của thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

- a) Cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d) Tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, ngân hàng thanh toán;
- đ) Thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường, thành viên bù trừ;
- e) Nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích trong Nghị định số 158/2020/NĐ-CP, trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bù trừ là việc xác định vị thế và nghĩa vụ thanh toán ròng cho các bên tham gia giao dịch.
2. Giao dịch đối ứng là việc mở một vị thế mua (hoặc bán) mới nhằm làm giảm vị thế bán (hoặc mua) của chứng khoán phái sinh cùng loại, cùng tài sản cơ sở, cùng ngày đáo hạn đã mở trước đó.
3. Giá thanh toán là giá khớp lệnh giao dịch hợp đồng tương lai giữa các nhà đầu tư thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
4. Giá thanh toán cuối ngày là mức giá được xác định cuối ngày giao dịch để tính toán lãi lỗ hàng ngày của các vị thế.
5. Giá thanh toán cuối cùng là mức giá được xác định tại ngày giao dịch cuối cùng để xác định nghĩa vụ thanh toán khi thực hiện hợp đồng.
6. Giá trị tài sản ký quỹ bù trừ (sau đây gọi tắt là giá trị tài sản ký quỹ) bao gồm số dư trên tài khoản tiền gửi ký quỹ và giá trị danh mục chứng khoán ký quỹ được xác định theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
7. Khách hàng môi giới là nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh thông qua hoạt động môi giới của thành viên giao dịch.
8. Khách hàng bù trừ, thanh toán là thành viên không bù trừ và các khách hàng môi giới của thành viên này đã ủy thác hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho thành viên bù trừ được chỉ định.
9. Khối lượng mở của một chứng khoán phái sinh tại một thời điểm là số lượng hợp đồng chứng khoán phái sinh đang còn lưu hành tại thời điểm đó.

10. Ký quỹ là việc bên có nghĩa vụ nộp một khoản tiền hoặc chứng khoán được chấp nhận ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

11. Ký quỹ ban đầu là việc ký quỹ trước khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.

12. Mức ký quỹ là giá trị ký quỹ hoặc tỷ lệ ký quỹ mà bên có nghĩa vụ phải nộp cho các hợp đồng chứng khoán phái sinh dự kiến thực hiện hoặc duy trì cho các hợp đồng chứng khoán phái sinh đang lưu hành.

13. Ký quỹ rủi ro là giá trị ký quỹ mà nhà đầu tư, thành viên bù trừ phải nộp để bù đắp mức lỗ tiềm tàng tối đa của chứng khoán phái sinh tính toán theo các kịch bản biến động giá của tài sản cơ sở.

14. Ký quỹ song hành hợp đồng tương lai là giá trị ký quỹ nhà đầu tư, thành viên bù trừ nắm giữ hợp đồng tương lai phải nộp để bù đắp mức lỗ tiềm tàng tăng thêm so với giá trị ký quỹ rủi ro do sự khác biệt về biến động giá của tài sản cơ sở và biến động giá của hợp đồng tương lai.

15. Ký quỹ chuyển giao hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ là giá trị ký quỹ nhà đầu tư tham gia thanh toán thực hiện hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ phải nộp để bù đắp mức lỗ tiềm tàng có thể xảy ra trong trường hợp nhà đầu tư không có đủ tiền để thanh toán hoặc trái phiếu Chính phủ để chuyển giao.

16. Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền là tỷ lệ giữa giá trị tài sản ký quỹ bằng tiền so với tổng giá trị tài sản phái ký quỹ.

17. Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán (sau đây gọi tắt là hợp đồng tương lai chỉ số) là hợp đồng tương lai dựa trên tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán.

18. Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ là hợp đồng tương lai dựa trên tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu giả định có một số đặc trưng cơ bản của trái phiếu Chính phủ.

19. Hợp đồng bù trừ, thanh toán là hợp đồng giữa thành viên bù trừ và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

20. Tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh là tài khoản mở tại thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng.

21. Thực hiện hợp đồng là việc các bên tham gia giao dịch hợp đồng tương lai thực hiện việc chuyển giao tài sản cơ sở, tài sản có thể chuyển giao và thanh toán tiền hoặc thanh toán khoản chênh lệch giữa giá thanh toán cuối ngày, giá thanh toán và giá thanh toán cuối cùng theo nội dung của hợp đồng và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

22. Vị thế đứng tên thành viên bù trừ bao gồm vị thế của nhà đầu tư và vị thế của thành viên bù trừ, cụ thể như sau:

a) Vị thế trong các giao dịch tự doanh và tạo lập thị trường (nếu có) của thành viên bù trừ;

b) Vị thế của khách hàng môi giới của thành viên bù trừ;

c) Vị thế của khách hàng bù trừ, thanh toán.

23. Tài khoản giao dịch tổng là tài khoản giao dịch của nhà đầu tư mà các vị thế mua và bán của cùng một hợp đồng tương lai (có cùng tài sản cơ sở và cùng tháng đáo hạn) được mở và duy trì cho đến khi thành viên bù trừ có đề nghị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện đối trừ trên cơ sở thỏa thuận hoặc yêu cầu của nhà đầu tư.

Chương II

SẢN PHẨM CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 3. Hợp đồng tương lai chỉ số

1. Tài sản cơ sở của hợp đồng tương lai chỉ số là chỉ số chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thiết kế trên cơ sở các nguyên tắc xây dựng và quản lý chỉ số do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành sau khi báo cáo và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Hợp đồng tương lai chỉ số khi đáo hạn được thực hiện dưới hình thức thanh toán bằng tiền theo quy chế do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành.

3. Mẫu hợp đồng tương lai chỉ số do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành sau khi báo cáo và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 4. Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ

1. Tài sản cơ sở của hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ là:

a) Trái phiếu Chính phủ đang giao dịch trên thị trường; hoặc

b) Trái phiếu giả định có một số đặc trưng cơ bản của trái phiếu Chính phủ. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng các đặc trưng cơ bản của trái phiếu Chính phủ, thiết kế trái phiếu giả định báo cáo Bộ Tài chính chấp thuận trước khi thực hiện.

2. Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ khi đáo hạn được thực hiện dưới hình thức thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao tài sản cơ sở theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Phương thức thanh toán phải được quy định trước khi niêm yết.

3. Mẫu hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành sau khi báo cáo và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định và công bố trên trang thông tin điện tử các nội dung sau:

a) Danh sách các trái phiếu Chính phủ có thể chuyển giao, nguyên tắc xác định và hệ số chuyển đổi (đối với hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ thực hiện hợp đồng dưới hình thức chuyển giao tài sản cơ sở);

b) Danh sách các trái phiếu Chính phủ được sử dụng để xác định giá thanh toán cuối cùng, nguyên tắc xác định và tỷ trọng từng trái phiếu trong danh sách đó (đối với hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ thực hiện hợp đồng dưới hình thức thanh toán bằng tiền).

5. Việc xác định và công bố thông tin về các trái phiếu Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định thời điểm cuối cùng để chốt danh sách các trái phiếu Chính phủ có thể chuyển giao hoặc được sử dụng để xác định giá thanh toán cuối cùng. Sau thời điểm đó, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không được điều chỉnh danh sách các trái phiếu Chính phủ nêu trên.

Chương III

HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH, BÙ TRỪ, THANH TOÁN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Mục 1

HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Điều 5. Giao dịch chứng khoán phái sinh của nhà đầu tư

1. Để giao dịch chứng khoán phái sinh, nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh tại thành viên giao dịch và tài khoản ký quỹ bù trừ (sau đây gọi là tài khoản ký quỹ) tại thành viên bù trừ do thành viên giao dịch chỉ định. Trường hợp nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở mở tại thành viên giao dịch, nhà đầu tư được phép sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán này để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh sau khi đã mở tài khoản ký quỹ tại thành viên bù trừ do thành viên giao dịch chỉ định.

2. Trước khi đặt lệnh giao dịch, trong thời gian nắm giữ vị thế và khi thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải ký quỹ theo yêu cầu của thành viên bù trừ.